Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8474.20.29

Mã HS	8474.20.29
Mô tả hàng hóa	Máy dùng để phân loại, sàng lọc, phân tách, rửa, nghiền, xay, trộn hoặc nhào đất, đá, quặng hoặc các khoáng vật khác, dạng rắn (kể cả dạng bột hoặc dạng nhão); máy dùng để đóng khối, tạo hình hoặc đúc khuôn các nhiên liệu khoáng rắn, bột gốm nhão, xi măng chưa đông cứng, thạch cao hoặc các sản phẩm khoáng khác ở dạng bột hoặc dạng nhão; máy để tạo khuôn đúc bằng cát / - Máy nghiền hoặc xay: / - - Không hoạt động bằng điện: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 09:27:08
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84742029/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	3	3%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14379
Thuế NK ưu đãi (MFN)	2	2%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14379
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14379
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.1	1,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13724
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13665
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13665
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13665
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13665
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13665
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13665
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13719
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13719
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13719
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13719

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13719
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13719
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13720
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13720
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13720
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13720
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13720
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13720
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13723
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13671
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13679
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13679
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13679
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13679
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13679
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13679
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13710
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13710
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13710
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13710
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13710
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13710
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13759
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13759
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13759
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13759

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13759
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13759
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13742
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13742
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13742
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13742
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13742
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13742
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13742
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13742
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13742
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13742
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13742
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13742
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13757
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13757
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13757
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13757
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13757
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13757
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13756
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13756
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13756
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13756
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13756
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13756

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13736
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13736
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13736
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13736
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13736
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13736
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13736
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13744
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13744
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13744
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13744
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13744
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13744
RCEP B	2022	2022	0	B!D13744
RCEP B	2023	2023	0	B!E13744
RCEP B	2024	2024	0	B!F13744
RCEP B	2025	2025	0	B!G13744
RCEP B	2026	2026	0	B!H13744
RCEP B	2027	2027	0	B!I13744
RCEP C	2022	2022	0	C!D13744
RCEP C	2023	2023	0	C!E13744
RCEP C	2024	2024	0	C!F13744
RCEP C	2025	2025	0	C!G13744
RCEP C	2026	2026	0	C!H13744
RCEP C	2027	2027	0	C!I13744
RCEP D	2022	2022	0	D!D13743

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13743
RCEP D	2024	2024	0	D!F13743
RCEP D	2025	2025	0	D!G13743
RCEP D	2026	2026	0	D!H13743
RCEP D	2027	2027	0	D!I13743
RCEP E	2022	2022	0	E!D13747
RCEP E	2023	2023	0	E!E13747
RCEP E	2024	2024	0	E!F13747
RCEP E	2025	2025	0	E!G13747
RCEP E	2026	2026	0	E!H13747
RCEP E	2027	2027	0	E!I13747
RCEP F	2022	2022	0	F!D13744
RCEP F	2023	2023	0	F!E13744
RCEP F	2024	2024	0	F!F13744
RCEP F	2025	2025	0	F!G13744
RCEP F	2026	2026	0	F!H13744
RCEP F	2027	2027	0	F!I13744
VIFTA	2024	2024	1.7	VI!F12758
VIFTA	2025	2025	1.4	VI!G12758
VIFTA	2026	2026	1.1	VI!H12758
VIFTA	2027	2027	0.9	VI!I12758

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8474.20 có 4 dòng thuế; dòng 8474.20.29 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8474.20.11 Dùng cho đá; 8474.20.19 Loại khác; 8474.20.21 Dùng cho đá	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8474.20.29. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 2% của mã 8474.20.29 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14379), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.